

Bản án số: 05/2023/KDTM-PT

Ngày: 28 - 9 - 2023

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Toàn

Các thẩm phán:

1. Ông Hoàng Tiến Dũng

2. Bà Lê Thị Thu Huyền

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Phúc Thọ - Kiểm sát viên

Ngày 22 và ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/20223/KDTM-PT ngày 06 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXX PT-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở: Số B, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Trường S, sinh năm 1981; chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh tỉnh P. (Theo Giấy ủy quyền số 2985/UQ-NHNo.PT-GD ngày 14/12/2022 và Giấy ủy quyền số 335/UQ-NHNo.PT-GD ngày 16/02/2023). Vắng mặt ngày tuyên án

Địa chỉ trụ sở: Đường T, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Có mặt

- ***Bị đơn:*** Công ty TNHH V1.

Địa chỉ trụ sở: Lô B, KCN T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bá H, sinh năm 1956; chức vụ: Giám đốc Công ty.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Nguyễn Kim L – Luật sư Văn phòng L1 và cộng sự. Đoàn Luật sư tỉnh P.

Ông H và bà L đều có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Phùng Ngọc A, sinh năm 1958 và bà Trương Thị Tuyết V, sinh năm 1969. Đều có địa chỉ: Số nhà A, đại lộ H, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phùng Ngọc A: Ông Nguyễn K – Luật sư Văn phòng L2 - Chi nhánh P. Đoàn Luật sư tỉnh P.

Ông A và ông K có mặt, bà V vắng mặt.

2. Ông Cao Xuân H1, sinh năm 1955 và bà Trương Thị Kim T, sinh năm 1957. Đều có địa chỉ: Số nhà E, tổ B, khu C, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Cao Xuân H1: Ông Nguyễn K - Luật sư Văn phòng L2 - Chi nhánh P. Đoàn Luật sư tỉnh P.

Ông H1 và ông K có mặt, bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn Ngân hàng N do ông Hà Trường S là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Căn cứ phương án sử dụng vốn của Công ty TNHH V1 gửi tới Ngân hàng N (A2) - Chi nhánh tỉnh P, A2 Chi nhánh tỉnh P tiến hành thẩm định, sau đó cùng Công ty TNHH V1 ký các Hợp đồng tín dụng và các Hợp đồng bảo đảm tài sản.

*** Các hợp đồng tín dụng, cụ thể là:**

+ Hợp đồng tín dụng thứ nhất:

Hợp đồng tín dụng số 2700LAV201600364 ngày 26/07/2016 đã ký giữa A2 Chi nhánh tỉnh P và Công ty TNHH V1, số tiền cho vay: 15.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay thời điểm ký kết hợp đồng là: 9%/năm, thời hạn cho vay là 96 tháng, mục đích vay vốn: Đầu tư nâng cấp Nhà máy sản xuất kéo sợi và xây dựng Nhà máy sản xuất chăn, ga, gối, đệm chất lượng cao trên cơ sở chuyển nhượng nhà máy dệt của Công ty CP D tại Lô B - Khu công nghiệp T, TP ., tỉnh Phú Thọ.

Dư nợ gốc tại thời điểm hiện tại là: 9.100.000.000 đồng (*Chín tỷ một trăm triệu đồng chẵn*).

+ Hợp đồng tín dụng thứ hai:

Hợp đồng tín dụng số 2700LAV201700008 ngày 06/01/2017 đã ký giữa A2 Chi nhánh tỉnh P và Công ty TNHH V1, số tiền cho vay: 16.500.000.000 đồng, lãi suất cho vay thời điểm ký kết hợp đồng: 8,5%/năm, thời hạn cho vay: 96 tháng, mục đích vay vốn: Cho vay bổ sung dự án “Đầu tư nâng cấp Nhà máy sản xuất kéo sợi và xây dựng Nhà máy sản xuất chăn, ga, gối, đệm chất lượng cao trên cơ sở chuyển nhượng nhà máy dệt của Công ty CP D tại Lô B, Khu công nghiệp T, TP V, tỉnh Phú Thọ”.

Dư nợ gốc tại thời điểm hiện tại là: 11.625.000.000 đồng (*Mười một tỷ, sáu trăm hai mươi lăm triệu đồng chẵn*).

+ Hợp đồng tín dụng thứ ba:

Hợp đồng tín dụng số 2700LAV201900175 ngày 15/03/2019 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 2700LAV201900175-1 (gia hạn hạn mức tín dụng) ngày 12/03/2020 đã ký giữa A2 Chi nhánh tỉnh P và Công ty TNHH V1, số tiền cho vay: 20.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay thời điểm ký kết hợp đồng: 8%/năm, thời hạn giải ngân 12 tháng, mục đích vay vốn: Tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sợi, chăn ga, gối, đệm.

Dư nợ gốc tại thời điểm hiện tại là: 19.954.006.226 đồng (*Mười chín tỷ chín trăm năm mươi bốn triệu không trăm linh sáu nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng*).

+ Hợp đồng tín dụng thứ tư:

Hợp đồng tín dụng số 2700LAV202000323 ngày 29/05/2020 đã ký giữa A2 Chi nhánh tỉnh P và Công ty TNHH V1, số tiền cho vay: 1.800.000.000 đồng, lãi suất cho vay thời điểm ký kết hợp đồng: 8%/năm, thời hạn cho vay 06 tháng, mục đích vay vốn: Vay bù đắp, thanh toán chi phí đầu tư, nâng cấp 1 phần nhà xưởng xử lý bông thành xưởng sản xuất khẩu trang y tế.

Dư nợ gốc tại thời điểm hiện tại là: 876.000.000 đồng (*T1 trăm bảy mươi sáu triệu đồng chẵn*).

Trong quá trình sử dụng tiền vay, Công ty TNHH V1 đã sử dụng vốn vay đúng mục đích nhưng kinh doanh thua lỗ, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các cam kết, thỏa thuận giữa hai bên, đề phát sinh gốc quá hạn từ ngày 10/11/2020, lãi đọng kéo dài từ 01/01/2020. Đến nay, công ty chưa trả nợ gốc, lãi tiền vay cho A2 Chi nhánh tỉnh P.

*** Biện pháp bảo đảm:**

Nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH V1 theo các Hợp đồng tín dụng này được bảo đảm bởi tài sản của Công ty V1 và bảo lãnh của bên thứ ba (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan), cụ thể như sau:

1. Tài sản bảo đảm của Công ty V1:

- *Tài sản bảo đảm thứ nhất:* Hợp đồng thế chấp tài sản số: 2700LCL201600266 ngày 21/07/2016 và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi kèm theo.

Tài sản bảo đảm của Công ty TNHH V1 bao gồm:

+ Máy móc thiết bị: Dây chuyền máy kéo sợi PC, dây chuyền máy kéo sợi Cotton; 01 máy cào bông; dàn máy đánh sợi; 01 dàn máy xử lý.

+ Phương tiện vận tải: gồm 04 xe ô tô là: xe ô tô Hyundai Starex, BKS 19D-004.00; xe ô tô tải Hyundai Porter, BKS: 19C-091.90; xe ô tô tải Hyundai Porter, BKS: 19C-090.03; xe ô tô Toyota Vios, BKS: 19A-127.00.

Hợp đồng bảo đảm và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi được công chứng tại Văn phòng C, địa chỉ: Số F, phố Q, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ và đã được đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội (số đơn đăng ký: 12769345 ngày 22/07/2016).

- *Tài sản bảo đảm thứ hai:* Hợp đồng thế chấp tài sản số: 2700LCL201600528 ngày 30/12/2016 và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi kèm theo.

+ Tài sản bảo đảm của Công ty TNHH V1 bao gồm: Dây chuyền sản xuất chần tự động do TSURUOKA & CO.LTD sản xuất.

+ Giá trị tài sản bảo đảm (xác định tại thời điểm gần nhất) là: 3.202.500.000 đồng.

+ Hợp đồng bảo đảm và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi được công chứng tại Văn phòng C, địa chỉ: Số F, phố Q, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ và đã được đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội (số đơn đăng ký: 1237026900 ngày 30/12/2016).

- *Tài sản bảo đảm thứ ba:* Hợp đồng thế chấp tài sản số: 2700LCL201700003 ngày 30/12/2016 và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi kèm

theo. Tài sản bảo đảm của Công ty TNHH V1 bao gồm: Toàn bộ Nhà xưởng sản xuất dệt sợi, xưởng sản xuất dệt, xưởng sản xuất chăn ga, xưởng xử lý bông, nhà kho thành phẩm và xưởng sản xuất chăn, nhà văn phòng, nhà bảo vệ, kho vật tư, nhà vệ sinh, nhà cơ khí, nhà làm việc chuyên gia, nhà giao nhận hàng, nhà ăn ca, chi phí san lấp mặt bằng và các công trình vật kiến trúc khác tại Lô B, khu Công nghiệp T, TP ., tỉnh Phú Thọ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG030853 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P cấp ngày 30/12/2016.

Hợp đồng bảo đảm và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi được công chứng tại Văn phòng C, địa chỉ: Số F, phố Q, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Sở tài nguyên và môi trường tỉnh P (số thứ tự đơn đăng ký: 1083 - quyền số 1 ngày 30/12/2016).

- *Tài sản bảo đảm thứ tư:* Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 2700LCL201900321 ngày 02/05/2019 và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi kèm theo. Tài sản bảo đảm của Công ty TNHH V1 (tài sản hình thành trong tương lai) bao gồm: Nhà kho nguyên liệu bông; nhà cầu xưởng sợi; xưởng máy bông, máy chải tại Lô B, khu Công nghiệp T, TP ., tỉnh Phú Thọ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG030853 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P cấp ngày 30/12/2016.

Hợp đồng bảo đảm và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi được công chứng tại Văn phòng C, địa chỉ: Số F, phố Q, phường G, TP V, tỉnh Phú Thọ.- *Tài sản bảo đảm thứ năm:* Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 2700LCL202000276 ngày 29/05/2020. Tài sản bảo đảm của Công ty TNHH V1 (tài sản hình thành trong tương lai) bao gồm: Hệ thống nhà xưởng và máy móc thiết bị thuộc dự án nâng cấp, cải tạo 1 phần Nhà xưởng xử lý bông thành xưởng sản xuất khẩu trang y tế.

Hợp đồng bảo đảm và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi được công chứng tại Văn phòng C, địa chỉ: Số F, phố Q, phường G, TP ., tỉnh Phú Thọ.

2. Bảo lãnh bởi bên thứ ba:

- *Bên bảo lãnh thứ nhất:* Hợp đồng bảo lãnh số 01/2018/HĐBL ngày 09/02/2018 và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi kèm theo đã ký giữa A2 Chi nhánh tỉnh P với ông Cao Xuân H1 và bà Trương Thị Kim T (*các Hợp đồng bảo lãnh đã được công chứng tại Văn phòng C, địa chỉ: Số F, phố Q, phường G, TP V, tỉnh Phú Thọ*).

Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ bảo lãnh của ông Cao Xuân H1 và bà Trương Thị Kim T (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2700LCL201800077 ngày 09/02/2018 và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi kèm theo) gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 235,8m² tại thửa đất số 431, tờ bản đồ số 05 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CH536607 do UBND thành phố V cấp ngày 29/01/2018, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH3275, đứng tên ông Cao Xuân H1 và bà Trương Thị Kim T.

Tài sản bảo đảm đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V (số thứ tự đơn đăng ký: 0786 - quyền số 1 ngày 09/02/2018).

- *Bên bảo lãnh thứ hai:* Hợp đồng bảo lãnh số 02/2018/HĐBL ngày 09/02/2018 và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi kèm theo đã ký giữa A2 Chi nhánh tỉnh P với ông Phùng Ngọc A và bà Trương Thị Tuyết V (*các Hợp đồng bảo lãnh đã được công chứng tại Văn phòng C, địa chỉ: Số F, phố Q, phường G, TP V, tỉnh Phú Thọ*).

Tài sản bảo đảm bảo cho nghĩa vụ bảo lãnh của ông Phùng Ngọc A và bà Trương Thị Tuyết V (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2700LCL201800078 ngày 09/02/2018 và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi kèm theo) gồm:

+ Xe ô tô biển số 19C-125.18 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025181 do Công an tỉnh P cấp ngày 21/11/2017, đứng tên ông Phùng Ngọc A;

+ Xe ô tô biển số 19C-021.32 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 024968 do Công an tỉnh P cấp ngày 21/11/2017, đứng tên ông Phùng Ngọc A.

Tài sản bảo đảm đã được đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội (số đơn đăng ký: 1279511979 ngày 12/02/2018).

Ngay từ khi công ty G, A2 Chi nhánh tỉnh P đã thực hiện nhiều biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp như giảm lãi suất cho vay, giãn thời gian trả lãi, cơ cấu lại thời hạn trả nợ (bao gồm cơ cấu lại nợ theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN của Ngân hàng N1 ngày 13/03/2021). Tuy nhiên, sau khi được hỗ trợ, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty vẫn không có dấu hiệu phục hồi, công ty không trả được nợ theo cam kết. A2 Chi nhánh tỉnh P đã nhiều lần tiến hành làm việc, đôn đốc Công ty TNHH V1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đồng thời, yêu cầu các bên bảo lãnh: Gia đình ông Cao Xuân H1, bà Trương Thị Kim T và gia đình ông Phùng Ngọc A, bà Trương Thị Tuyết V thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với Công ty TNHH V1 theo các Hợp đồng bảo đảm đã ký kết. Mặc dù đã được đôn đốc nhiều lần nhưng đến nay công ty vẫn không khắc phục vi phạm, không trả được nợ theo cam kết, tài sản bảo đảm là nhà xưởng, dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị của Công ty TNHH V1 vẫn hoạt động tạo ra sản phẩm nhưng công ty không luân chuyển dòng tiền qua A2, không cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, giám sát nợ vay, không mua bảo hiểm tài sản; bên bảo lãnh là ông H1, bà T và ông A, bà V cũng không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của mình. Trước những vi phạm nêu trên, A2 buộc phải xử lý tài sản bảo đảm thu hồi nợ nhưng công ty và bên có tài sản không hợp tác bàn giao tài sản bảo đảm cho A2 để xử lý thu hồi nợ, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của A2, gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của A2.

* Ngày 31 tháng 8 năm 2022, Ngân hàng N đề nghị rút một phần nội dung khởi kiện như sau: Tại khoản 4 mục II Đơn khởi kiện số 1669/NHNo.PT-KHDN ngày 25 tháng 10 năm 2021: *“Tuyên nếu Công ty TNHH V1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì A2 thông qua A2 Chi nhánh tỉnh P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo lãnh của gia đình: Ông Cao Xuân H1 và bà Trương Thị Kim T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 2700LCL201800077 ngày 09/02/2018 và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi kèm theo.”*

Lý do rút một phần nội dung khởi kiện: Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản ngày 30/12/2021 tại khu V, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, ông Đặng Ngọc T2 - Công chức địa chính phường M có đề nghị kiểm tra ranh giới với thửa đất liền kề xem phần diện tích cấp bìa chồng lấn (*xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản của ông Cao Xuân H1, bà Trương Thị Kim T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 536607 do UBND thành phố V cấp ngày 29/01/2018*). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án Nhân dân thành phố Việt Trì xét thấy cần thiết phải xem xét có sự chồng lấn giữa thửa đất của ông Cao Xuân H1, bà Trương Thị Kim T3 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 536607 do UBND thành phố V cấp ngày 29/01/2018 tại khu V, phường M, T, tỉnh Phú Thọ và diện tích đất của Công ty cổ phần V2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 070622 ngày 19/9/2017 tại Khu E, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (nay là Doanh nghiệp tư nhân Đ là đơn vị trúng đấu thầu). Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì đã có 02 văn bản số 25/CV-TA ngày 22/7/2022 và số 27/CV-TA ngày 19/8/2022 gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P và UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ nhưng đến nay chưa nhận được công văn trả lời. Agribank CN tỉnh A2 nhận định việc giải quyết xem xét có sự chồng lấn giữa 02 thửa đất nêu trên sẽ kéo dài, ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án và tiến độ xử lý nợ, thu hồi vốn vay đối với khoản vay của Công ty TNHH V1 nên đề nghị rút yêu cầu khởi kiện đối với phần tài sản thế chấp của ông H1, bà T3. Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng vẫn giữ nguyên quan điểm trên.

*** Căn cứ các nội dung nêu trên, A2 đề nghị Tòa án:**

1. Tuyên buộc Công ty TNHH V1 phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho A2, số tiền gốc, lãi tính đến ngày 23/12/2022 là: 53.100.085.346 đồng (*Năm mươi ba tỷ, một trăm triệu, không trăm tám mươi lăm nghìn, ba trăm bốn mươi sáu đồng*). Trong đó: nợ gốc là 41.555.006.226 đồng (*Bốn mươi một tỷ, năm trăm năm mươi lăm triệu, không trăm linh sáu nghìn, hai trăm hai mươi sáu đồng*); nợ lãi là 11.545.079.120 đồng (*Mười một tỷ, năm trăm bốn mươi lăm triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn, một trăm hai mươi đồng*) (trong đó lãi phải trả trong hạn là 10.428.258.952 đồng (*Mười tỷ, bốn trăm hai mươi tám triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn, chín trăm năm mươi hai đồng*), lãi phải trả quá hạn là 745.679.890 đồng (*Bảy trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn, tám trăm chín mươi đồng*), lãi chậm trả là 371.140.278 đồng (*Ba trăm bảy mươi một triệu, một trăm bốn mươi nghìn, hai trăm bảy mươi tám đồng*)).

2. Tuyên buộc Công ty TNHH V1 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án cho đến ngày thực tế Công ty TNHH V1 trả hết nợ gốc cho A2.

3. Tuyên nếu Công ty TNHH V1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì A2 thông qua A2 Chi nhánh tỉnh P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý các tài sản bảo đảm theo các Hợp đồng bảo đảm đã ký kết giữa A2 - Chi nhánh tỉnh P và Công ty TNHH V1 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

4. Tuyên nếu Công ty TNHH V1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì A2

thông qua A2 Chi nhánh tỉnh P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo lãnh của ông Phùng Ngọc A và bà Trương Thị Tuyết V theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 2700LCL201800078 ngày 09/02/2018 và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi kèm theo để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

5. Tuyên nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho A2 thì A2 thông qua A2 Chi nhánh tỉnh P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH V1 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn Công ty TNHH V1 do ông Nguyễn Bá H là đại diện theo pháp luật trình bày: Công ty TNHH V1 nhất trí với số nợ gốc và nợ lãi như Ngân hàng N trình bày. Công ty TNHH V1 đề nghị Ngân hàng T4 điều kiện về thời gian để Công ty được giãn nợ, cơ cấu lại thời gian trả nợ sang năm 2023. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp khác tìm phương hướng để ổn định sản xuất và trả nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Trương Thị Tuyết V cùng chồng là ông Phùng Ngọc A có tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH V1 cụ thể là 02 xe ô tô:

+ Xe ô tô BKS 19C-125.18 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025181 do Công an tỉnh P cấp ngày 21/11/2017 đứng tên ông Phùng Ngọc A.

+ Xe ô tô BKS 19C-021.32 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 024968 do Công an tỉnh P cấp ngày 21/11/2017 đứng tên ông Phùng Ngọc A.

Bà A đề nghị Công ty TNHH V1 trả nợ cho Ngân hàng để Ngân hàng trả lại xe cho vợ chồng bà, nếu Công ty không trả được nợ thì đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật.

- Ông Cao Xuân H1 và bà Trương Thị Kim T vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 15/3/2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án ông bà trình bày: Ông bà là vợ chồng và có thế chấp tài sản tại Ngân hàng N - Chi nhánh P cho Công ty TNHH V1 vay vốn. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số CH 536607 ngày 29/01/2018 thửa số 431, tờ bản đồ số 05 diện tích 235,8m² tại khu V, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Quan điểm của ông bà đề nghị Công ty TNHH V1 phải trả tiền cho ngân hàng để Ngân hàng trả lại tài sản cho ông bà, nếu Công ty không trả được nợ đề nghị Ngân hàng tạo mọi điều kiện để ông bà lấy lại tài sản thế chấp.

Ngày 16/5/2022, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thống nhất được với nhau nội dung giải quyết nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án số: 05/2022/KDTM-ST ngày 26 - 12 - 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì đã:

1. Căn cứ khoản 16 Điều 4, Điều 90, 91, 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 274; khoản 1 Điều 275; Điều 280 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, 158, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 do ông Nguyễn Bá H là giám đốc về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

3. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 23/12/2022 theo các Hợp đồng tín dụng số 2700LAV201600364 ngày 26/07/2016; số 2700LAV201700008 ngày 06/01/2017; số 2700LAV201900175 ngày 15/03/2019 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 2700LAV201900175-1 (gia hạn hạn mức tín dụng) ngày 12/03/2020; số 2700LAV202000323 ngày 29/05/2020 là: 53.100.085.346 đồng (*Năm mươi ba tỷ, một trăm triệu, không trăm tám mươi lăm nghìn, ba trăm bốn mươi sáu đồng*).

Trong đó:

- Tổng số nợ gốc là 41.555.006.226 đồng (*Bốn mươi một tỷ, năm trăm năm mươi lăm triệu, không trăm linh sáu nghìn, hai trăm hai mươi sáu đồng*);

- Tổng số nợ lãi là 11.545.079.120 đồng (*Mười một tỷ, năm trăm bốn mươi lăm triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn, một trăm hai mươi đồng*).

Trong đó:

+ Lãi phải trả trong hạn là 10.428.258.952 đồng (*Mười tỷ, bốn trăm hai mươi tám triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn, chín trăm năm mươi hai đồng*),

+ Lãi phải trả quá hạn là 745.679.890 đồng (*Bảy trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn, tám trăm chín mươi đồng*),

+ Lãi chậm trả là 371.140.278 đồng (*Ba trăm bảy mươi một triệu, một trăm bốn mươi nghìn, hai trăm bảy mươi tám đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng bảo lãnh của bên thứ ba để thu hồi nợ. Cụ thể như sau:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 2700LCL201600266 ngày 21/07/2016 và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi kèm theo. Tài sản bảo đảm của Công ty TNHH V1 bao gồm: Máy móc thiết bị: Dây chuyền máy kéo sợi PC, dây chuyền máy kéo sợi Cotton; 01 máy cào bông; dàn máy đánh sợi; 01 dàn máy xử lý. Phương tiện vận

tải: gồm 04 xe ô tô là: Xe ô tô Hyundai Starex, BKS 19D-004.00; xe ô tô tải Hyundai Porter, BKS: 19C-091.90; xe ô tô tải Hyundai Porter, BKS: 19C-090.03; xe ô tô Toyota Vios, BKS: 19A-127.00.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 2700LCL201600528 ngày 30/12/2016 và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi kèm theo. Tài sản bảo đảm của Công ty TNHH V1 bao gồm: Dây chuyền sản xuất chăn tự động do TSURUOKA & CO.LTD sản xuất.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 2700LCL201700003 ngày 30/12/2016 và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi kèm theo. Tài sản bảo đảm của Công ty TNHH V1 bao gồm: Toàn bộ Nhà xưởng sản xuất dệt sợi, xưởng sản xuất đệm, xưởng sản xuất chăn ga, xưởng xử lý bông, nhà kho thành phẩm và xưởng sản xuất chăn, nhà văn phòng, nhà bảo vệ, kho vật tư, nhà vệ sinh, nhà cơ khí, nhà làm việc chuyên gia, nhà giao nhận hàng, nhà ăn ca, chi phí san lấp mặt bằng và các công trình vật kiến trúc khác tại Lô B, khu Công nghiệp T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG030853 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P cấp ngày 30/12/2016.

- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 2700LCL201900321 ngày 02/05/2019 và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi kèm theo. Tài sản bảo đảm của Công ty TNHH V1 (tài sản hình thành trong tương lai) bao gồm: Nhà kho nguyên liệu bông; nhà cầu xưởng sợi; xưởng máy bông, máy chải tại Lô B, khu Công nghiệp T, TP ., tỉnh Phú Thọ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG030853 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P cấp ngày 30/12/2016.

- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 2700LCL202000276 ngày 29/05/2020. Tài sản bảo đảm của Công ty TNHH V1 (tài sản hình thành trong tương lai) bao gồm: Hệ thống nhà xưởng và máy móc thiết bị thuộc dự án nâng cấp, cải tạo 1 phần Nhà xưởng xử lý bông thành xưởng sản xuất khẩu trang y tế.

- Hợp đồng bảo lãnh số: 02/2018/HĐBL ngày 09/02/2018 và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi kèm theo đã ký giữa A2 Chi nhánh tỉnh P với Ông Phùng Ngọc A và bà Trương Thị Tuyết V. Tài sản bảo đảm bảo cho nghĩa vụ bảo lãnh của ông Phùng Ngọc A và bà Trương Thị Tuyết V (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2700LCL201800078 ngày 09/02/2018 và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi kèm theo) gồm:

+ Xe ô tô biển số 19C-125.18 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025181 do Công an tỉnh P cấp ngày 21/11/2017, đứng tên Ông Phùng Ngọc A;

+ Xe ô tô biển số 19C-021.32 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 024968 do Công an tỉnh P cấp ngày 21/11/2017, đứng tên Ông Phùng Ngọc A.

5. Đình chỉ xét xử đối với Hợp đồng bảo lãnh số 01/2018/HĐBL ngày 09/02/2018 và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi kèm theo đã ký giữa Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh P với ông Cao Xuân H1 và bà Trương Thị Kim T.

6. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 phải chịu 161.100.085 đồng. *(Một trăm sáu mươi một triệu, một trăm nghìn, không trăm tám mươi lăm đồng).*

Ngân hàng N được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 78.060.000 đồng (*Bảy mươi tám triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0009656 ngày 08/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

7. Về chi phí tố tụng:

Tổng số tiền chi phí tố tụng là 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*). Xác nhận Ngân hàng N đã nộp 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) tạm ứng chi phí tố tụng theo Biên bản giao nhận tạm ứng chi phí tố tụng ngày 06/12/2021. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn V1 phải chịu 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) chi phí tố tụng để trả lại cho Ngân hàng N.

Ngoài ra còn tuyên và quyền thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, ông Nguyễn Bá H là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH V1 kháng cáo với nội dung sau: Căn cứ Hợp đồng bảo lãnh số 01/2018-HDBL ngày 09/12/2018 gồm ba bên thỏa thuận ký là bên bảo lãnh, bên được bảo lãnh, bên được nhận bảo lãnh là ngân hàng N chi nhánh P. Bên bảo lãnh là ông Cao Xuân H1 và vợ Trương Thị Kim T, bên được Bảo lãnh là Công ty TNHH V1. Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/2019/PLHĐBL ngày 15/3/2019 cũng với thỏa thuận của ba bên, cả hai hợp đồng bảo lãnh ba bên đã cùng thỏa thuận cam kết liên quan tới bảo lãnh tiền vay là quyền sử dụng đất HC 536607 được UBND thành phố V cấp ngày 29/01/2018 tại thửa 431, tờ bản đồ số 5, diện tích 235.8m² tại khu V, phường M, thành phố V. Tuy nhiên phía ngân hàng N chi nhánh P đã đơn phương xử lý không thông báo, thỏa thuận gì với Công ty. Việc tách tài sản bảo lãnh này ra khỏi sự đảm bảo là không phù hợp đã ảnh hưởng tới toàn bộ bản án dân sự. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 26/12/2022 để phân định rõ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Ngày 07 tháng 01 năm 2023, ông Cao Xuân H1 và bà Trương Thị Kim T kháng cáo với nội dung:

- Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì đưa vụ án ra xét xử và ngày tuyên án không có mặt vợ chồng ông, bà.

- Căn cứ Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/2019/PLHĐBL ngày 15/3/2019 với thỏa thuận của ba bên, cả hai hợp đồng bảo lãnh ba bên cùng thỏa thuận cam kết liên quan đến bảo lãnh tiền vay là quyền sử dụng đất HC 536607 được UBND thành phố V cấp ngày 29/01/2018 tại thửa 431, tờ bản đồ số 5, diện tích 235.8m² tại khu V, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Tuy nhiên phía ngân hàng N chi nhánh P đã tự ý tách tài sản thế chấp không giải quyết trong vụ án mà không thông báo thỏa thuận gì với vợ chồng ông, bà. Việc tách tài sản bảo lãnh này ra khỏi vụ án tranh chấp dân sự là không phù hợp, ảnh hưởng đến quyền lợi của vợ chồng ông, bà. Ông, bà đề nghị xét xử phúc thẩm Hủy bản án sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 26/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì để xét xử lại.

Ngày 07 tháng 01 năm 2023, ông Phùng Ngọc A kháng cáo với nội dung: Trước ngày cấp sơ thẩm mở phiên tòa ngày 17/12/2022 ông đã có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do ông đang điều trị tại khoa cấp cứu Bệnh viện đa khoa tỉnh P

nhưng phần nhận định của Tòa án tại trang 9 của bản án sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 26/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì không chấp nhận đơn của ông. Ông nhận thức được rằng vợ chồng ông bảo lãnh 02 chiếc xe ô tô, để đảm bảo khoản vay cho công ty TNHH V1 đó là tài sản trong thời kỳ hôn nhân, chính vì lẽ đó tòa mới triệu tập riêng từng người trong quá trình tham gia tố tụng cũng như khi đưa vụ án ra xét xử. Ông hoàn toàn không có giấy tờ gì thể hiện ông là người ủy quyền cho vợ ông tham gia tố tụng, vì lẽ đó việc ông xin hoãn phiên tòa là đúng luật nhưng Tòa án vẫn xét xử và không chấp nhận hoãn phiên tòa chính đáng của ông là không phù hợp với quy định của pháp luật. Ông đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để ông được có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại Quyết định số 06/QĐ-VKS-KDTM ngày 09/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì kháng nghị một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 26/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm trên của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì theo hướng buộc nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với phần tài sản thế chấp mà nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện.

Quá trình xét xử phúc thẩm, ngày 27/4/2023 Ngân hàng có báo cáo giải trình về rút một phần đơn khởi kiện đối với tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ bảo lãnh của ông Cao Xuân H1 và bà Trương Thị Kim T bảo đảm cho số tiền gốc 2.475.900.000 đồng và lãi phát sinh trong hạn, quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác giải quyết sau.

Ngày 10/7/2023 Ngân hàng có báo cáo giải trình về việc tính lãi phải trả của Hợp đồng tín dụng số 2700LAV201600364 ngày 26/7/2016 cơ sở tính lãi một năm là 360 ngày, nay được tính lãi một năm là 365 ngày theo như thỏa thuận hợp đồng. Tính đến ngày 26/12/2022 Công ty TNHH V1 còn phải trả cho ngân hàng số tiền 53.088.982.156 đồng, trong đó số tiền gốc 41.555.006.226 đồng, số tiền lãi trong hạn, quá hạn, chậm trả là 11.533.975.930 đồng.

Tại phiên tòa: Ông Nguyễn Bá H là đại diện của Công ty TNHH V1, Phùng Ngọc A và ông Cao Xuân H1 giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị hủy Bản án sơ thẩm.

Đại diện ngân hàng N có quan điểm giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ giữ nguyên nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì và bổ sung kháng nghị:

Thứ nhất: Công ty TNHH V1 trả nợ cho ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày 23/12/2022 ngày tuyên án sơ thẩm. Các hợp đồng tín dụng đã ký kết 53.100.085.346đ là chưa chính xác trái với hướng dẫn quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01 ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao mà phải tính đến ngày 26/12/2022 ngày tuyên án. .

Thứ hai: Cơ sở tính nợ lãi một năm là 360 ngày là chưa chính xác., bởi theo khoản 1 Điều 5 Hợp đồng tín dụng số 2700LAV201600364 ngày 26/7/2016 các hợp đồng khác không phát sinh chênh lệch giữa A2 Chi nhánh P và Công ty

TNHH V1 đã thỏa thuận tính lãi 1 năm là 365 ngày và thỏa thuận này phù hợp với Điều 151 Luật dân sự 2005.

Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc Công ty TNHH V1 phải trả cho ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 26/12/2022 và tính lãi trên cơ sở 1 năm là 365 ngày.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho Công ty TNHH V1 có quan điểm:

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì và Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì đã xét xử và đồng ý cho Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Hợp đồng bảo lãnh tài sản của ông Cao Xuân H1 và bà Trương Thị Kim T trong khi ông H1 bà T đều vắng mặt tại phiên tòa làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty cũng như Bản án dân sự giải quyết không đúng quy định của pháp luật.

Khi Ngân hàng rút một phần khởi kiện chưa có sự bàn bạc thống nhất với nhau như điều khoản cam kết trong Hợp đồng bảo lãnh.

Ông H1 bà T bảo lãnh tài sản dư nợ tối đa của bên A với bên C 2.200.000.000đ và các phí phát sinh khác, ngân hàng rút đơn khởi kiện một phần tài sản bảo lãnh của ông H1 bà T lại không đề nghị tách một phần về trách nhiệm bảo lãnh đối với số tiền vay của Công ty T5 với số tiền 2.200.000.000đ và các chi phí phát sinh theo thỏa thuận, ngân hàng vi phạm Hợp đồng bảo lãnh giữa ba bên.

Bản án của cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với Hợp đồng bảo lãnh số 01 ngày 09/02/2018 và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi nhưng không căn cứ vào điều khoản nào của pháp luật để ra quyết định, hậu quả của Hợp đồng này cũng không được giải quyết triệt để làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên đương sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy Bản án của cấp sơ thẩm và giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. (Có bài phát biểu lưu hồ sơ).

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông Cao Xuân H1 và ông Nguyễn Hồng A1 có quan điểm:

Đối với kháng cáo của ông H1 theo như quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho Công ty TNHH V1, Việc ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện về Hợp đồng thế chấp và Hợp đồng bảo lãnh đối với ông H1 bà T nhưng ông H1 bà T không biết gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H1 bà T, nếu ngân hàng rút yêu cầu này thì phải trả lại cho ông H1 bà T tài sản thế chấp và bảo lãnh.

Khi cấp sơ thẩm xét xử ngày 26/12/2022, ông A1 bị bệnh phải nằm điều trị tại bệnh viện và có đơn xin hoãn phiên tòa, việc ông A1 xin hoãn là chính đáng nhưng Tòa án vẫn xét xử là vi phạm tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án của cấp sơ thẩm để xét xử lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì và bổ sung kháng nghị của Viện kiểm sát tại tòa, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm số 05/2022/KDTM-ST ngày 26/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn - Công ty TNHH V1; ông Cao Xuân H1 cùng vợ là Trương Thị Kim T và ông Nguyễn Hồng A1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự, lời trình bày của luật sư, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo của ông Nguyễn Bá H là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH V1, ông Cao Xuân H1 và bà Trương Thị Kim T, ông Phùng Ngọc A làm trong luật định, đơn hợp lệ.

Tại phiên tòa, bà Trương Thị Tuyết V và bà Trương Thị Kim T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

[2] Xét về nội dung kháng cáo:

Công ty TNHH V1 và Ngân hàng N (A2) - Chi nhánh tỉnh P ký các Hợp đồng tín dụng và các Hợp đồng bảo đảm tài sản như sau:

*** Các hợp đồng tín dụng, cụ thể là:**

+ Hợp đồng tín dụng thứ nhất số 2700LAV201600364 ngày 26/07/2016 A2 Chi nhánh tỉnh P cho Công ty TNHH V1 vay 15.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay thời điểm ký kết hợp đồng là: 9%/năm, thời hạn cho vay là 96 tháng, mục đích vay vốn: Đầu tư nâng cấp Nhà máy sản xuất kéo sợi và xây dựng Nhà máy sản xuất chần, ga, gối, đệm chất lượng cao trên cơ sở chuyển nhượng nhà máy dệt của Công ty CP D tại Lô B - Khu công nghiệp T, TP ., tỉnh Phú Thọ. (Dư nợ gốc tại thời điểm hiện tại là: 9.100.000.000 đồng).

+ Hợp đồng tín dụng thứ hai số 2700LAV201700008 ngày 06/01/2017 A2 Chi nhánh tỉnh P cho Công ty TNHH V1 vay 16.500.000.000 đồng, lãi suất cho vay thời điểm ký kết hợp đồng: 8,5%/năm, thời hạn cho vay: 96 tháng, mục đích vay vốn: Cho vay bổ sung dự án “Đầu tư nâng cấp Nhà máy sản xuất kéo sợi và xây dựng Nhà máy sản xuất chần, ga, gối, đệm chất lượng cao trên cơ sở chuyển nhượng nhà máy dệt của Công ty CP D tại Lô B, Khu công nghiệp T, TP V, tỉnh Phú Thọ”. (Dư nợ gốc tại thời điểm hiện tại là: 11.625.000.000 đồng).

+ Hợp đồng tín dụng thứ ba số 2700LAV201900175 ngày 15/03/2019 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 2700LAV201900175-1 (gia hạn hạn mức tín dụng) ngày 12/03/2020, A2 Chi nhánh tỉnh P cho Công ty TNHH V1 vay 20.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay thời điểm ký kết hợp đồng: 8%/năm, thời hạn giải ngân 12 tháng, mục đích vay vốn: Tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sợi, chần ga, gối, đệm. (Dư nợ gốc tại thời điểm hiện tại là: 19.954.006.226 đồng)

+ Hợp đồng tín dụng thứ tư số 2700LAV202000323 ngày 29/05/2020, A2 Chi nhánh tỉnh P cho Công ty TNHH V1 vay 1.800.000.000 đồng, lãi suất cho

vay thời điểm ký kết hợp đồng: 8%/năm, thời hạn cho vay 06 tháng, mục đích vay vốn: Vay bù đắp, thanh toán chi phí đầu tư, nâng cấp 1 phần nhà xưởng xử lý bông thành xơ bông sản xuất khẩu trang y tế. (Dư nợ gốc tại thời điểm hiện tại là: 876.000.000 đồng) .

*** Biện pháp bảo đảm:**

Nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH V1 theo các Hợp đồng tín dụng này được bảo đảm bởi tài sản của Công ty V1 và bảo lãnh của bên thứ ba, cụ thể như sau:

1. Tài sản bảo đảm của Công ty V1:

- *Tài sản bảo đảm thứ nhất:* Hợp đồng thế chấp tài sản số: 2700LCL201600266 ngày 21/07/2016 và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi kèm theo. Tài sản bảo đảm của Công ty TNHH V1 bao gồm:

+ Máy móc thiết bị: Dây chuyền máy kéo sợi PC, dây chuyền máy kéo sợi Cotton; 01 máy cào bông; dàn máy đánh sợi; 01 dàn máy xử lý.

+ Phương tiện vận tải: gồm 04 xe ô tô là: xe ô tô Hyundai Starex, BKS 19D-004.00; xe ô tô tải Hyundai Porter, BKS: 19C-091.90; xe ô tô tải Hyundai Porter, BKS: 19C-090.03; xe ô tô Toyota Vios, BKS: 19A-127.00.

Hợp đồng bảo đảm và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi được công chứng.

- *Tài sản bảo đảm thứ hai:* Hợp đồng thế chấp tài sản số: 2700LCL201600528 ngày 30/12/2016 và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi kèm theo.

+ Tài sản bảo đảm của Công ty TNHH V1 bao gồm: Dây chuyền sản xuất chần tự động do TSURUOKA & CO.LTD sản xuất.

+ Giá trị tài sản bảo đảm (xác định tại thời điểm gần nhất) là: 3.202.500.000 đồng.

+ Hợp đồng bảo đảm và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi được công chứng và đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội.

- *Tài sản bảo đảm thứ ba:* Hợp đồng thế chấp tài sản số: 2700LCL201700003 ngày 30/12/2016 và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi kèm theo. Tài sản bảo đảm của Công ty TNHH V1 bao gồm: Toàn bộ Nhà xưởng sản xuất dệt sợi, xưởng sản xuất dệt, xưởng sản xuất chần ga, xưởng xử lý bông, nhà kho thành phẩm và xưởng sản xuất chần, nhà văn phòng, nhà bảo vệ, kho vật tư, nhà vệ sinh, nhà cơ khí, nhà làm việc chuyên gia, nhà giao nhận hàng, nhà ăn ca, chi phí san lấp mặt bằng và các công trình vật kiến trúc khác tại Lô B, khu Công nghiệp T, TP V, tỉnh Phú Thọ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG030853 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P cấp ngày 30/12/2016. Hợp đồng bảo đảm và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Sở tài nguyên và môi trường tỉnh P.

- *Tài sản bảo đảm thứ tư:* Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 2700LCL201900321 ngày 02/05/2019 và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi kèm theo. Tài sản bảo đảm của Công ty TNHH V1 (tài sản hình thành trong tương lai) bao gồm: Nhà kho nguyên liệu bông; nhà cầu xơ bông; xưởng máy

bông, máy chải tại Lô B, khu Công nghiệp T, TP ., tỉnh Phú Thọ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG030853 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P cấp ngày 30/12/2016.

Hợp đồng bảo đảm và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi được công chứng

- *Tài sản bảo đảm thứ năm:* Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 2700LCL202000276 ngày 29/05/2020. Tài sản bảo đảm của Công ty TNHH V1 (tài sản hình thành trong tương lai) bao gồm: Hệ thống nhà xưởng và máy móc thiết bị thuộc dự án nâng cấp, cải tạo 1 phần Nhà xưởng xử lý bông thành xơ sản xuất khẩu trang y tế.

Hợp đồng bảo đảm và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi được công chứng

2. Bảo lãnh bởi bên thứ ba:

- *Bên bảo lãnh thứ nhất:* Hợp đồng bảo lãnh số 01/2018/HĐBL ngày 09/02/2018 và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi kèm theo đã ký giữa A2 Chi nhánh tỉnh P với ông Cao Xuân H1 và bà Trương Thị Kim T đã được công chứng.

Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ bảo lãnh của ông Cao Xuân H1 và bà Trương Thị Kim T (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2700LCL201800077 ngày 09/02/2018 và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi kèm theo) gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 235,8m² tại thửa đất số 431, tờ bản đồ số 05 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CH536607 do UBND thành phố V cấp ngày 29/01/2018, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH3275, đứng tên ông Cao Xuân H1 và bà Trương Thị Kim T.

Tài sản bảo đảm đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V

- *Bên bảo lãnh thứ hai:* Hợp đồng bảo lãnh số 02/2018/HĐBL ngày 09/02/2018 và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi kèm theo đã ký giữa A2 Chi nhánh tỉnh P với ông Phùng Ngọc A và bà Trương Thị Tuyết V đã được công chứng.

Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ bảo lãnh của ông Phùng Ngọc A và bà Trương Thị Tuyết V (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2700LCL201800078 ngày 09/02/2018 và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi kèm theo) gồm:

+ Xe ô tô biển số 19C-125.18 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025181 do Công an tỉnh P cấp ngày 21/11/2017, đứng tên ông Phùng Ngọc A;

+ Xe ô tô biển số 19C-021.32 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 024968 do Công an tỉnh P cấp ngày 21/11/2017, đứng tên ông Phùng Ngọc A.

Tài sản bảo đảm đã được đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội.

A2 Chi nhánh tỉnh P đã thực hiện nhiều biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp như giảm lãi suất cho vay, giãn thời gian trả lãi, cơ cấu lại thời hạn trả nợ (bao gồm cơ cấu lại nợ theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN của Ngân hàng N1 ngày 13/03/2021). Tuy nhiên, sau khi được hỗ trợ, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty vẫn không có dấu hiệu phục hồi, công ty không trả được nợ theo cam kết. A2 Chi nhánh tỉnh P đã nhiều lần tiến hành làm việc, đôn đốc Công ty TNHH V1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đồng thời, yêu cầu các bên bảo lãnh: Gia đình ông Cao Xuân H1, bà Trương Thị Kim T và gia đình ông Phùng Ngọc A, bà Trương Thị

Tuyệt V thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với Công ty TNHH V1 theo các Hợp đồng bảo đảm đã ký kết. Mặc dù đã được đôn đốc nhiều lần nhưng đến nay công ty vẫn không khắc phục vi phạm, không trả được nợ theo cam kết.

A2 đề nghị: Công ty TNHH V1 phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho A2, số tiền gốc, lãi tính đến ngày 23/12/2022 là: 53.100.085.346 đồng. Trong đó: nợ gốc là 41.555.006.226 đồng; nợ lãi là 11.545.079.120 đồng (trong đó lãi phải trả trong hạn là 10.428.258.952 đồng, lãi phải trả quá hạn là 745.679.890 đồng, lãi chậm trả là 371.140.278 đồng). Công ty TNHH V1 phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án cho đến ngày Công ty TNHH V1 trả hết nợ gốc cho A2. Nếu Công ty TNHH V1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì A2 thông qua A2 Chi nhánh tỉnh P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý các tài sản bảo đảm theo các Hợp đồng bảo đảm và hợp đồng bảo lãnh của ông Phùng Ngọc A và bà Trương Thị Tuyết V và xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH V1 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

* Ngày 31 tháng 8 năm 2022, Ngân hàng N đề nghị xin rút một phần nội dung khởi kiện với lý do: Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản ngày 30/12/2021 tại khu V, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, ông Đặng Ngọc T2 - Công chức địa chính phường M có đề nghị kiểm tra danh giới với thửa đất liền kề xem phần diện tích cấp bìa chồng lấn (*xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản của ông Cao Xuân H1, bà Trương Thị Kim T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 536607 do UBND thành phố V cấp ngày 29/01/2018*). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án Nhân dân thành phố Việt Trì xét thấy cần thiết phải xem xét có sự chồng lấn giữa thửa đất của ông Cao Xuân H1, bà Trương Thị Kim T3 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 536607 do UBND thành phố V cấp ngày 29/01/2018 tại khu V, phường M, T, tỉnh Phú Thọ và diện tích đất của Công ty cổ phần V2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 070622 ngày 19/9/2017 tại Khu E, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (nay là Doanh nghiệp tư nhân Đ là đơn vị trúng đấu thầu). Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì đã có 02 văn bản số 25/CV-TA ngày 22/7/2022 và số 27/CV-TA ngày 19/8/2022 gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P và UBND thành phố V, tỉnh Phú Thọ nhưng đến nay chưa nhận được công văn trả lời. Agribank CN tỉnh A2 nhận định việc giải quyết xem xét có sự chồng lấn giữa 02 thửa đất nêu trên sẽ kéo dài, ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án và tiến độ xử lý nợ, thu hồi vốn vay đối với khoản vay của Công ty TNHH V1 nên đề nghị rút yêu cầu khởi kiện đối với phần tài sản thế chấp của ông H1, bà T3.

Cấp sơ thẩm đã Đình chỉ xét xử đối với Hợp đồng bảo lãnh số 01/2018/HĐBL ngày 09/02/2018 và các Hợp đồng bổ sung, sửa đổi kèm theo đã ký giữa Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh P với ông Cao Xuân H1 và bà Trương Thị Kim T.

Xét thấy việc cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng đối với tài sản theo Hợp đồng thế chấp và Hợp đồng bảo lãnh của vợ chồng ông Cao

Xuân H1 không được sự nhất trí của vợ chồng ông H1 và người đại diện của công ty V1 và tài sản thế chấp, bảo lãnh của vợ chồng ông Nguyễn Hồng A1 và bà Trương Thị Tuyết V, mặt khác vợ chồng ông H1 thế chấp và bảo lãnh cho Công ty V1 vay số tiền số tiền 2.200.000.000đ và các loại phí và lãi phát sinh nhưng khi cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vẫn buộc công ty V1 phải trả các khoản tiền gốc, lãi theo các hợp đồng tín dụng số tiền 53.100.085.346 đồng và xử lý tài sản bảo đảm của công ty, tài sản của vợ chồng ông Nguyễn Hồng A1 và bà Trương Thị Tuyết V để trả số tiền trên cho ngân hàng đã xâm phạm đến quyền lợi của công ty và vợ chồng ông A1, bà V; nếu cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết về phần thế chấp và bảo lãnh tài sản của vợ chồng ông H1, cấp sơ thẩm phải tính trị giá số tiền mà vợ chồng ông H1 thế chấp và bảo lãnh ra và chỉ buộc Công ty phải trả cho ngân hàng số tiền sau khi đã trừ khoản tiền vợ chồng ông H1 đứng ra bảo lãnh và khoản tiền đảm bảo cho việc thế chấp tài sản mới đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự, Việc cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu này tài sản của vợ chồng ông H1 bà T sau này khó xử lý. Do vậy kháng cáo của đại diện công ty V1, kháng cáo của ông H1 và ông A1 là có căn cứ chấp nhận.

Thông qua Bản án này, cấp sơ thẩm xử lý tài sản thế chấp và bảo lãnh của vợ chồng ông A1 cũng không đúng quy định của pháp luật vì vợ chồng ông A1 bảo lãnh cho Công ty V1 vay tiền nhưng không buộc vợ chồng ông A1 phải trả cho ngân hàng số tiền đã bảo lãnh cho Công ty V1 là vi phạm Điều 3 của Hợp đồng bảo lãnh ký kết giữa ngân hàng, vợ chồng ông A1 và Công ty V1, nếu như vợ chồng ông A1 không trả được số tiền bảo lãnh mới xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng vợ chồng ông A1 thế chấp.

Xét thấy các chứng cứ trên Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể khắc phục tại phiên tòa.

[3] Từ những phân tích trên cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đại diện công ty V1, kháng cáo của ông H1 và ông A1, cần hủy Bản án của cấp sơ thẩm và trả hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, của người có quyền lợi liên quan là phù hợp cần được chấp nhận.

Do cấp Phúc thẩm hủy bản án của cấp sơ thẩm nên không xem xét kháng nghị của viện kiểm sát.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi liên quan được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đại diện công ty V1, kháng cáo của ông Cao Xuân H1, bà Trương Thị Kim T và ông Phùng Ngọc A.

Hủy toàn bộ Bản án số 05/2022/KDTM-ST ngày 26/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ và trả hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Trả lại cho Công ty V1 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do ông Nguyễn Bá H nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0000028 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ lập ngày ngày 10/01/2023.

Trả lại cho ông Phùng Ngọc A 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0000027 do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ lập ngày ngày 10/01/2023.

Trả lại cho ông Cao Xuân H1 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0010105 do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ lập ngày ngày 10/01/2023.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay kể từ khi tuyên án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS tỉnh Phú Thọ;
- VKS thành phố Việt Trì;
- Chi cục THADS TP. Việt Trì;
- TAND TP. Việt Trì;
- Người BVQL cho đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (02 bản);
- Lưu văn phòng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Toàn